

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông: Đặng Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 575/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 473/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1966 (có mặt).

Trú tại: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Người đại diện của bà M: Ông Nguyễn Văn K (cha của bà M- vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị M sống chung từ năm 1990, hôn nhân do ông tự nguyện lựa chọn, nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 2008, vợ ông bị bệnh tâm thần bỏ về nhà cha mẹ vợ sống cho đến nay.

Lý do ông yêu cầu ly hôn: Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay, ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Ông và bà M có 3 người con chung gồm: Trần Kiều M, sinh năm 1990, Trần Lệ M, sinh năm 1993 và Trần Ái M, sinh năm 1995. Ba người con chung đã trên 18 tuổi và sống riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà M không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị M và người đại diện của bà M là ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án mời hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị M bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự tại Quyết định số: 06/2018/QĐDS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời nên bà Nguyễn Thị M phải có người đại diện theo pháp luật. Bà Nguyễn Thị M, người đại diện của bà M là ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vào các ngày 19 tháng 11 năm 2018, ngày 20 tháng 12 năm 2018 và ngày 10 tháng 01 năm 2019 nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn và người đại diện của bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn L chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị M không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông L và bà M có 3 người con chung gồm: Trần Kiều M, sinh năm 1990, Trần Lệ M, sinh năm 1993 và Trần Ái M, sinh năm 1995. Ba người con chung đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi con của ông L và bà M.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L xác định ông và bà M không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Bà M không phải án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: + Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
+ Các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, các Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2/ Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân, ông L có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0008543, ngày 13 tháng 8 năm 2018, được chuyển thu đối trừ. Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện của bà M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Minh Trung